| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN DK**<br>**TỈNH KHÁNH HÒA**<br>---------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>---------- |

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 7 năm 2019
V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK - TỈNH KHÁNH HÒA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
- Thẩm phán - Chủ t`ọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Vinh
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Toàn
Bà Lưu Thị Thiện Duyên
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện DK - Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 48/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-ST ngày 29/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn Q - sinh năm 1978
Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T - sinh năm 1991
Địa chỉ: thôn H, xã L, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa.
Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/02/2019, bản tự khai ngày 12/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Tấn Q trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2017. Sau khi đăng ký kết hôn và dự định tiến tới cuộc sống hôn nhân, giữa anh và chị T xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do gia đình chị T không chấp nhận anh, làm cho tình cảm giữa anh và chị T ngày một xa cách, không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc đến nhau, dẫn đến tình cảm giữa anh và chị T bị rạn nứt trầm trọng và không chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Anh xác định không còn tình cảm yêu thương, quan tâm chăm sóc đến chị T nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh xác định giữa anh và chị T không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời chị Nguyễn Thị Kim T đến Tòa án làm việc, nhưng chị T vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản, giấy tờ tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Tấn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T; con chung, tài sản chung và nợ chung: không có. Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - Khánh Hòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng. Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T vi pHm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tấn Q xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Q xác định không có nên không xem xét. Về án phí: anh Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Tấn Q và chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã T, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16/2017 ngày 03/5/2017 theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi, đăng ký kết hôn, cả hai dự định tiến tới cuộc sống vợ chồng thì cả hai đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, theo anh Q nguyên nhân là do cả hai không thể tìm được sự đồng cảm, chia sẻ, chăm sóc cho nhau, vượt qua những khó khăn trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm giữa anh và chị T ngày một xa cách. Anh Q xác định không quan hệ vợ chồng với chị T từ năm 2017 cho đến nay. Do đó, tình cảm anh Q dành cho chị T không còn. Chị Nguyễn Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng chị T không đến Tòa án làm việc. Điều này chứng tỏ, chị T không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này nên cho thấy hôn nhân giữa anh Q và chị T đã có mâu thuẫn dẫn đến gia đình không có hạnh phúc, làm cho mâu thuẫn gia đình trầm trọng, không thể khắc phục và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Tấn Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T.

[3]. Về con chung: anh Q xác định giữa anh và chị T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: anh Q xác định giữa anh và chị T không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: anh Q xác định giữa anh và chị T không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Q phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên*;

**QUYẾT ĐỊNH**:

Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Tấn Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T.

[2]. Về con chung: không có.

[3]. Về tài sản chung: không có.

[4]. Về nợ chung: không có.

[5]. Về án phí: anh Nguyễn Tấn Q nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), mà anh Q đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002565 ngày 29/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện DK - Khánh Hòa; anh Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời Hn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời Hn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận**:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện DK;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện DK;
- Ủy ban nhân dân xã T (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**Vũ Thị Kim Vinh**